



Trung tâm WTO và Hội nhập  
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

## HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU

### Tóm tắt Chương 2 – Đối xử Quốc gia và Mở cửa thị trường hàng hóa

Chương 2 EVFTA bao gồm các cam kết liên quan tới việc mở cửa thị trường của Việt Nam cho hàng hóa EU và ngược lại. Chương này bao gồm các cam kết cụ thể về việc loại bỏ thuế quan (theo từng dòng thuế, với lộ trình cụ thể theo từng năm tính từ thời điểm EVFTA có hiệu lực) và các vấn đề liên quan tới việc xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và EU (hải quan, thuế xuất khẩu, giấy phép xuất khẩu, thuế phí liên quan tới xuất nhập khẩu...) và cam kết liên quan tới một số loại hàng hóa đặc thù (hàng tân trang, hàng sửa chữa, một số loại hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, dược phẩm, nông sản, ô tô và linh kiện ô tô...).

#### I. Cam kết về thuế quan

Cam kết về thuế quan trong EVFTA bao gồm 02 nhóm là cam kết về thuế nhập khẩu và cam kết về thuế xuất khẩu.

##### 1. Cam kết về thuế nhập khẩu

Là một Hiệp định thương mại tự do tiêu chuẩn cao, EVFTA có cam kết mạnh về ưu đãi thuế nhập khẩu, cụ thể là loại bỏ thuế nhập khẩu đối với phần lớn hàng hóa từ một Bên nhập khẩu vào Bên kia (từ EU nhập khẩu vào Việt Nam và ngược lại). Các hình thức và mức độ ưu đãi tùy thuộc vào kết quả đàm phán của từng phía (Việt Nam và EU) như tóm tắt dưới đây.

#### Hình thức ưu đãi thuế:

Tương tự các FTA khác, các cam kết về ưu đãi thuế nhập khẩu trong EVFTA chủ yếu theo 03 hình thức:

- *Cam kết loại bỏ thuế ngay khi EVFTA có hiệu lực:* Ở hình thức ưu đãi này, thuế nhập khẩu sẽ được loại bỏ (0%) ngay tại thời điểm EVFTA có hiệu lực; các dòng thuế áp dụng theo hình thức này chiếm tỷ lệ phổ biến trong cả Biểu cam kết của EU và Việt Nam;

- *Cam kết loại bỏ thuế quan theo lộ trình:* Ở hình thức này, thuế nhập khẩu sẽ được giảm dần và loại bỏ (về 0%) sau một khoảng thời gian nhất định (gọi là lộ trình) kể từ khi EVFTA có hiệu lực. Trong EVFTA, nhìn chung lộ trình phổ biến của EU cho các trường hợp ưu đãi theo hình thức này là 7 năm, Việt Nam là 10 năm.
- *Cam kết hạn ngạch thuế quan:* Một số ít các dòng thuế còn lại sẽ được áp dụng hạn ngạch thuế quan, theo đó sẽ áp dụng mức thuế ưu đãi hoặc thuế 0% chỉ cho một số lượng, khối lượng hàng hóa nhập khẩu nhất định; phần hàng hóa nhập khẩu vượt ra khỏi mức hạn ngạch sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan mà áp dụng mức thuế thông thường (thuế MFN).

Mỗi Bên (Việt Nam, EU) có Biểu cam kết ưu đãi thuế quan riêng, nêu trong Phụ lục 2c-I (Biểu cam kết của EU cho hàng hóa Việt Nam) và Phụ lục 2c-ii (Biểu cam kết của Việt Nam cho hàng hóa EU). Trong mỗi Biểu thuế, mức độ cam kết ưu đãi thuế quan, lộ trình (nếu có) được xác định cụ thể đối với từng dòng thuế theo Bộ mã hài hòa hóa HS 2012.

Ngoài ra, Việt Nam và EU có một số cam kết bổ sung liên quan tới các sản phẩm dược và trang thiết bị y tế (nêu tại Phụ lục 2a Chương 2) và ô tô và linh kiện ô tô (nêu tại Phụ lục 2b Chương 2).

### **Mức độ cam kết ưu đãi thuế quan của EU dành cho hàng hóa Việt Nam**

Biểu cam kết thuế quan của EU được quy định tại Phụ lục 2c-i Chương 2 của Hiệp định EVFTA.

Trong tổng thể, EU cam kết ưu đãi thuế quan cho hàng hóa từ Việt Nam theo lộ trình như sau:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với 85,6% số dòng thuế, tương đương khoảng 70,3% kim ngạch xuất khẩu hiện tại của Việt Nam sang EU;
- Sau 07 năm, sẽ xóa bỏ thuế quan đối với tổng cộng 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu hiện tại của Việt Nam sang EU;
- Đối với khoảng 0,8% số dòng thuế còn lại, EU dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

### **Bảng tóm tắt cam kết của EU dành cho một số sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam**

Cam kết	Cam kết thuế quan của EU dành cho Việt Nam
<i>Nhóm hàng Nông – thủy sản</i>	
<b>Thủy sản (trừ cá ngừ đóng hộp và cá viên)</b>	Xóa bỏ ngay khoảng 50% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực
	50% số dòng thuế còn lại được xóa bỏ theo lộ trình từ 3 đến 7 năm.
	Riêng với cá ngừ đóng hộp và cá viên áp dụng hạn ngạch thuế quan lần

	lượt là 11.500 tấn và 500 tấn.
<b>Gạo</b>	<p>Áp dụng cơ chế hạn ngạch thuế quan, lượng nhập khẩu trong hạn ngạch được hưởng mức thuế 0%.</p> <p>Tổng hạn ngạch là 80.000 tấn, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Gạo chưa xay xát</i>: lượng hạn ngạch là 20.000 tấn</li> <li>- <i>Gạo xay xát</i>: lượng hạn ngạch là 30.000 tấn</li> <li>- <i>Gạo thom</i>: lượng hạn ngạch là 30.000 tấn</li> </ul> <p>Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu đối với gạo tằm sau 5 năm, và các sản phẩm từ gạo sau 3-5 năm.</p>
<b>Cà phê</b>	Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực
<b>Đường</b>	Áp dụng hạn ngạch thuế quan với mức là 10.000 tấn đường trắng và 10.000 tấn sản phẩm chứa trên 80% đường
<b>Mật ong tự nhiên</b>	Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực
<b>Sản phẩm rau củ quả tươi và chế biến, nước hoa quả, hoa tươi</b>	Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực
<b>Các hàng nông sản khác</b>	<p>Một số sản phẩm được áp dụng cam kết về hạn ngạch thuế quan của EU dành cho Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trứng gia cầm đã qua chế biến: 500 tấn</li> <li>- Tỏi: 400 tấn</li> <li>- Ngô ngọt: 5.000 tấn</li> <li>- Tinh bột sắn: 30.000 tấn</li> <li>- Nấm: 350 tấn</li> <li>- Cồn etylic: 1.000 tấn</li> <li>- Một số sản phẩm hóa chất (manitol, sorbitol, dextrans,...): 2.000 tấn</li> </ul>
<b>Nhóm hàng công nghiệp</b>	
<b>Dệt may</b>	42,5% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có

	hiệu lực
	Số còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình từ 3 đến 7 năm.
<b>Giày dép</b>	37% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực
	Số còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình từ 3 đến 7 năm.
<b>Gỗ và sản phẩm gỗ</b>	Khoảng 83% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực
	Khoảng 17% còn lại (gồm ván dăm, ván sợi và gỗ dán,...) sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình từ 3 đến 5 năm.
<b>Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện</b>	74% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực.
	Các sản phẩm còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình từ 3 đến 5 năm
<b>Một số sản phẩm khác</b>	Một số mặt hàng sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực ví dụ như sản phẩm nhựa, điện thoại các loại và linh kiện, túi xách, ví, vali, mũ, ô dù...

*Nguồn: Bộ Công thương*

### **Lộ trình xóa bỏ thuế quan của Việt Nam**

Biểu cam kết thuế quan của Việt Nam được nêu tại Phụ lục 2c-ii Chương 2 của Hiệp định EVFTA.

Trong tổng thể, Việt Nam cam kết ưu đãi thuế quan cho hàng hóa EU nhập khẩu vào Việt Nam theo lộ trình như sau:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với 48,5% số dòng thuế, tương đương 64,5% kim ngạch xuất khẩu hiện tại của EU sang Việt Nam;
- Sau 7 năm, sẽ xóa bỏ thuế quan đối với tổng cộng 91,8% số dòng thuế, tương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam;
- Sau 10 năm, sẽ xóa bỏ thuế quan đối với tổng cộng 98,3% số dòng thuế, tương đương 99,8% kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam;

- Khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại Việt Nam cam kết dành hạn ngạch thuế quan như cam kết WTO, hoặc áp dụng lộ trình xóa bỏ đặc biệt (như thuốc lá, xăng dầu, bia, linh kiện ô tô, xe máy).

Chú ý là biểu cam kết thuế của Việt Nam sẽ không áp dụng đối với phương tiện động cơ đã qua sử dụng có mã HS 8702, 8703 và 8704 (Điều 7.2 Chương 2 EVFTA).

### **Bảng tóm tắt cam kết của Việt Nam dành cho một số sản phẩm xuất khẩu của EU**

<b>Cam kết</b>	<b>Cam kết thuế quan của Việt Nam dành cho EU</b>
<b>Máy móc, thiết bị</b>	61% dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực.
	Thuế nhập khẩu của số còn lại sẽ được đưa về 0% sau lộ trình tối đa 10 năm.
<b>Ô tô nguyên chiếc và linh kiện, phụ tùng ô tô, xe máy</b>	Ô tô phân phối lớn (trên 2500 cm <sup>3</sup> với xe chạy dầu diesel, trên 3000 cm <sup>3</sup> đối với xe chạy xăng) sẽ có thuế nhập khẩu về 0% sau 9 năm.
	Các loại ô tô khác được áp dụng lộ trình cam kết giảm thuế trong vòng 10 năm
	Các loại phụ tùng ô tô sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 7 năm
	Xe máy thường và xe máy trên 150 cm <sup>3</sup> sẽ có thuế nhập khẩu 0% sau lần lượt là 10 năm và 7 năm
<b>Đồ uống có cồn</b>	Rượu vang và rượu mạnh sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 7 năm
	Lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu với bia là 10 năm
<b>Các loại thịt sống</b>	Thuế nhập khẩu thịt lợn động lạnh sẽ về 0% sau 7 năm; thuế nhập khẩu các loại thịt lợn khác sẽ về 0% sau 9 năm
	Thịt gà sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 10 năm
	Thịt bò sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 3 năm
<b>Dược phẩm</b>	Khoảng 71% các sản phẩm dược từ EU sẽ có thuế nhập khẩu 0% ngay khi

	Hiệp định có hiệu lực
	Phần còn lại sẽ được xóa bỏ thuế quan theo lộ trình từ 5 đến 7 năm
<b>Hóa chất và sản phẩm hóa chất</b>	Khoảng 70% nhóm sản phẩm này sẽ được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực
	Phần còn lại sẽ có thuế suất 0% sau lộ trình tối đa là 7 năm
<b>Nguyên phụ liệu dệt may, da giày</b>	Khoảng 80% nhóm hàng này sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực
	Phần còn lại sẽ được xóa bỏ thuế sau từ 3 đến 5 năm
<b>Sữa và sản phẩm từ sữa</b>	Khoảng 44% nhóm sản phẩm này sẽ có mức thuế 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc sau 3 năm
	Phần còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 5 năm.
<b>Xăng dầu</b>	Thuế nhập khẩu sẽ được xóa bỏ sau 10 năm

*Nguồn: Bộ Công thương*

## 2. Thuế xuất khẩu

Việt Nam và EU cam kết không áp dụng bất kỳ loại thuế, phí xuất khẩu nào trừ các trường hợp được bảo lưu rõ (theo kết quả cam kết thì chỉ có Việt Nam có bảo lưu về vấn đề này, EU không có bảo lưu nào). Theo nguyên tắc này, trừ các trường hợp có bảo lưu (của Việt Nam), Việt Nam và EU sẽ không áp dụng loại thuế, phí nào riêng đối với hàng xuất khẩu mà không áp dụng cho hàng tiêu thụ nội địa, không áp dụng mức thuế, phí đối với hàng xuất khẩu cao hơn mức áp dụng cho hàng tiêu thụ nội địa.

Bảo lưu của Việt Nam về các thuế xuất khẩu được nêu trong Phụ lục 2d Chương 2 EVFTA, áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU với các nội dung chủ yếu như sau:

- Việt Nam duy trì đánh thuế xuất khẩu đối với **57** dòng thuế, gồm các sản phẩm như cát, đá phiến, đá granit, một số loại quặng và tinh quặng, dầu thô, than đá, than cốc, vàng,... Trong số này, các dòng thuế hiện nay đang có mức thuế xuất khẩu cao sẽ được đưa về mức 20% trong thời gian tối đa là 5 năm (riêng quặng mangan sẽ được giảm về 10%); các sản phẩm còn lại duy trì mức thuế xuất khẩu hiện hành;
- Với toàn bộ các sản phẩm khác, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế xuất khẩu theo lộ trình tối đa là 15 năm.

## **II. Cam kết về các vấn đề khác có liên quan**

### **1. Về quy tắc đối với hàng hóa xuất nhập khẩu**

#### ***(i) Nguyên tắc xác định trị giá hải quan của hàng hóa để tính thuế***

EVFTA thực hiện nguyên tắc xác định trị giá hải quan của hàng hóa để tính thuế nhập khẩu, xuất khẩu của Hiệp định về trị giá hải quan của WTO. Việt Nam và EU đều là thành viên và hiện đang áp dụng nguyên tắc này theo cam kết WTO, vì vậy EVFTA không làm thay đổi gì về vấn đề này.

#### ***(ii) Các quy tắc thương mại khác***

Việt Nam và EU cam kết thực hiện thống nhất, khách quan và theo cách thức thích hợp phù hợp với WTO các quy tắc (pháp luật và hành chính) về:

- Phân loại hàng hóa và trị giá phục vụ mục tiêu quản lý hải quan
- Mức thuế, phí, lệ phí
- Các yêu cầu bắt buộc, các hạn chế hoặc cấm đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu
- Chuyển trả các khoản thanh toán
- Các vấn đề liên quan tới bán hàng, phân phối, vận chuyển, bảo hiểm, thanh kiểm tra kho, triển lãm và các hoạt động sử dụng hàng hóa khác vì mục tiêu hải quan.

Đây tuy không phải là cam kết mới (bởi Việt Nam đã đang thực hiện theo cam kết trong khuôn khổ WTO) nhưng là cam kết được nhấn mạnh về cách thức thực hiện nhằm bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp trước các hành động của cơ quan có thẩm quyền. Do đó việc thực thi các vấn đề này trên thực tế được suy đoán sẽ nghiêm túc và triệt để hơn với EVFTA.

#### ***(iii) Yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với giấy tờ liên quan đến thủ tục xuất nhập khẩu:***

Việt Nam và EU cam kết sau 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực sẽ không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ phải xuất trình hải quan khi làm thủ tục xuất nhập khẩu.

#### ***(iv) Ghi nhãn hàng hóa***

Đối với hàng hóa phi nông sản (trừ dược phẩm), trong EVFTA Việt Nam có cam kết nếu pháp luật Việt Nam yêu cầu buộc phải có thông tin về nước xuất xứ thì việc doanh nghiệp ghi trên nhãn sản phẩm là “Made in EU” hoặc “Sản xuất tại EU”<sup>1</sup> được coi là đã thỏa mãn yêu cầu này.

Việt Nam là đối tác đầu tiên của EU chấp nhận nhãn “Made in EU” hoặc “Sản xuất tại EU” cho hàng hóa không phải là nông sản.

### **2. Các biện pháp hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu**

---

<sup>1</sup> Theo Điều 17 Chương 2 của Hiệp định EVFTA

Việt Nam và EU cam kết không áp dụng các biện pháp cấm hoặc hạn chế xuất khẩu nào (bao gồm cả các điều kiện xuất khẩu dựa trên tỷ lệ nội địa hóa, tỷ lệ nhập khẩu và các biện pháp hạn chế xuất khẩu tự nguyện) ngoài các trường hợp bảo lưu.

Đối với các trường hợp bảo lưu, Việt Nam và EU cam kết bảo đảm minh bạch hóa các biện pháp hạn chế xuất nhập khẩu mà mình áp dụng.

Các trường hợp Việt Nam bảo lưu quyền hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu được nêu tại Phụ lục Y của Chương 2 EVFTA, theo đó:

- Các biện pháp hạn chế/cấm nhập khẩu áp dụng với các hàng hóa được liệt kê, trong đó đáng chú ý có phương tiện vận tải tay lái nghịch, hàng hóa đã qua sử dụng (quần áo, đồ điện tử, thiết bị y tế...), phương tiện vận tải và linh kiện đã qua sử dụng...
- Các biện pháp hạn chế/cấm xuất khẩu áp dụng với các hàng hóa được liệt kê, trong đó có gỗ tròn và gỗ khai thác từ rừng tự nhiên, các thiết bị mật mã và phần mềm sử dụng bảo vệ bí mật nhà nước...

Chú ý, về thuế xuất khẩu, trong số 603 dòng thuế mà Việt Nam hiện còn duy trì thuế xuất khẩu, Việt Nam cam kết:

- Giữ nguyên mức thuế 0% hiện hành đối với 134 dòng thuế
- Loại bỏ thuế xuất khẩu đối với tổng cộng 412 dòng thuế sau 5, 7, 10, 12 hoặc 15 năm
- Giới hạn thuế xuất khẩu ở 20% đối với 56 dòng thuế sau 05 năm, riêng với quặng mangan (mangan) thì giới hạn là 10%

### **3. Doanh nghiệp thương mại Nhà nước**

Doanh nghiệp thương mại Nhà nước là các doanh nghiệp Nhà nước hoặc tư nhân được Nhà nước chỉ định/lựa chọn giao đặc quyền/độc quyền xuất nhập khẩu một số loại hàng hóa nhất định. Trong WTO, Việt Nam bảo lưu quyền được duy trì các doanh nghiệp thương mại Nhà nước nhưng chỉ bao gồm các doanh nghiệp đã có tên trong danh sách bảo lưu, và với các loại hàng hóa nêu tương ứng.

Trong EVFTA, Việt Nam vẫn được duy trì các trường hợp này nhưng EVFTA nhấn mạnh các nguyên tắc minh bạch trong WTO về vấn đề này (bao gồm việc thông tin về từng doanh nghiệp cụ thể và hoạt động kinh doanh của họ).

### **4. Về cơ chế đối với một số loại hàng hóa đặc biệt**

(i) *Hàng tân trang (remanufactured goods)*



Hàng tân trang trong EVFTA được xác định là hàng hóa thuộc Chương 84, 85, 87, 90 và 9402<sup>2</sup> có một phần hoặc toàn bộ các bộ phận hàng hóa đã qua sử dụng nhưng có tính năng, điều kiện hoạt động, tuổi thọ sử dụng và bảo hành tương tự sản phẩm mới.

Cam kết của cả Việt Nam và EU đối với hàng tân trang như sau:

- Cam kết áp dụng cơ chế đối với hàng tân trang phải tương tự như áp dụng đối với sản phẩm mới;
- Mỗi Bên có quyền đặt ra các yêu cầu riêng về dán nhãn đối với hàng tân trang để người mua không nhầm lẫn;
- Thời điểm bắt đầu thực hiện cam kết về hàng tân trang là sau 03 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực

Loại trừ: Các cam kết về hàng tân trang không áp dụng cho các loại hàng hóa sau:

- Phương tiện động cơ đã qua sử dụng có mã HS 8702, 8703 và 8704
- Một số loại hàng hóa như điều hòa, tủ lạnh, máy in, máy giặt, máy may, điện thoại, loa, máy ghi âm, thiết bị truyền phát sóng, máy ghi hình... (danh sách được nêu cụ thể trong Phụ lục Z của Chương 2 EVFTA).

Cam kết về vấn đề này là rất đáng chú ý đối với việc nhập khẩu một số sản phẩm như trang thiết bị y tế và linh kiện ô tô tân trang từ EU.

**(ii) Hàng sửa chữa (*repaired goods*)**

Hàng sửa chữa trong EVFTA được hiểu là hàng hóa trải qua quy trình để khắc phục các lỗi, hư hại đáng kể, đưa hàng hóa trở lại chức năng ban đầu và bảo đảm tuân thủ với các yêu cầu kỹ thuật để sử dụng. Hàng sửa chữa bao gồm cả hàng hóa được tu bổ hoặc bảo dưỡng.

Việt Nam và EU mỗi Bên cam kết:

- Không áp dụng thuế nhập khẩu đối với hàng sửa chữa được tái nhập khẩu trở lại sau khi đã được xuất khẩu tạm thời sang lãnh thổ Bên kia để sửa chữa (kể cả khi Bên mình đủ có năng lực để sửa chữa sản phẩm đó);
- Không áp dụng thuế nhập khẩu đối với sản phẩm nhập khẩu từ Bên kia vào lãnh thổ mình để phục vụ mục đích sửa chữa.

**(iii) Dược phẩm và trang thiết bị y tế**

Các cam kết về dược phẩm và trang thiết bị y tế được nêu trong Chương 2 (cam kết chung với các hàng hóa khác và 01 Điều riêng về dược phẩm) và 01 Phụ lục riêng (Phụ lục 2b, bao gồm các cam kết bổ sung về một số vấn đề đặc thù riêng liên quan tới dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Ngoài ra, EVFTA còn có các cam kết liên quan tới nhóm hàng hóa này trong một số Chương khác. Dưới đây là một số cam kết đáng chú ý liên quan tới dược phẩm (trong cả Chương 2 và các Chương khác của EVFTA):

- Về các tiêu chuẩn: Cam kết xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đối với dược phẩm và trang thiết bị y dựa trên nền tảng là các tiêu chuẩn, thực tiễn và khuyến nghị quốc tế, đặc biệt là các tiêu chuẩn được xây dựng bởi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Tổ chức Phát triển Hợp tác Kinh tế (OECD), Hội nghị quốc tế về Hải hòa tiêu chuẩn (ICH), Công ước về thanh tra dược và Hệ thống hợp tác thanh tra dược (PIC/S),...
- Về thủ tục cấp phép lưu hành: Cam kết bãi bỏ yêu cầu về khoảng thời gian tối thiểu giữa thời điểm cấp phép tại EU và thời điểm xin phép lưu hành tại Việt Nam; bãi bỏ các yêu cầu vượt quá thông lệ quốc tế về nghiên cứu lâm sàng (đặc biệt là thông lệ của ICH).
- Về minh bạch: cam kết minh bạch hóa các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, tiêu chí và thủ tục liên quan tới việc định giá, niêm yết giá, bồi hoàn hoặc quản lý dược phẩm và thiết bị y tế.
- Về quyền kinh doanh: Cam kết cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được nhập khẩu dược phẩm nhưng không được tham gia bán buôn hay bán lẻ dược phẩm, và chỉ được bán lại cho doanh nghiệp được cấp phép quyền phân phối (bán buôn) dược phẩm ở Việt Nam; các doanh nghiệp này cũng được phép xây dựng kho để bảo quản thuốc nhập khẩu, thực hiện nghiên cứu lâm sàng/ kiểm nghiệm để đảm bảo dược phẩm phù hợp với người dân Việt Nam, thực hiện giới thiệu thông tin về thuốc nhập khẩu cho cán bộ y tế phù hợp với quy định của Việt Nam.
- Về sở hữu trí tuệ:
  - + Cam kết đền bù thời gian chậm trễ: Theo quy định, thuốc được cấp bằng sáng chế muốn lưu hành trên thị trường phải được cấp phép lưu hành. Cam kết trong EVFTA là nếu việc cấp phép lưu hành bị chậm trễ một cách bất hợp lý, khiến thời gian khai thác thương mại của thuốc được bảo hộ độc quyền bị rút ngắn (do hết thời hạn bảo hộ độc quyền) thì cơ quan có thẩm quyền phải có biện pháp đền bù bằng cách gia hạn thời gian bảo hộ độc quyền cho chủ sở hữu sáng chế theo một trong hai cách: (i) thời gian cấp phép lưu hành hợp lý là 02 năm, chậm quá 02 năm đó thì chậm bao nhiêu thời gian thì đền bù bấy nhiêu thời gian nhưng tổng thời gian đền bù không quá 02 năm; hoặc (ii) thời gian gia hạn bằng tổng thời gian cấp phép lưu hành trừ đi 05 năm.
  - + Cam kết về bảo hộ dữ liệu độc quyền: Cam kết không tiết lộ và bảo mật các dữ liệu thử nghiệm bí mật/dữ liệu khác được nộp cho cơ quan Nhà nước để xin cấp phép lưu hành dược phẩm trong vòng ít nhất 05 năm, không cho phép người nộp đơn sau đó cho cùng loại dược phẩm được dựa vào các thông tin, dữ liệu này để xin cấp phép lưu hành trừ khi được phép của người đã nộp thông tin, dữ liệu trước đó.

**(iv) Ô tô và phụ tùng ô tô**

Các cam kết về ô tô và phụ tùng ô tô được nêu trong Chương 2 (cam kết chung với các hàng hóa khác) và 01 Phụ lục riêng (Phụ lục 2b, bao gồm các cam kết bổ sung về một số vấn đề đặc thù riêng liên quan tới nhập khẩu ô tô và phụ tùng ô tô. Đây là lĩnh vực mà phía EU rất quan tâm, và có thể ảnh hưởng đáng kể tới việc sản xuất và nhập khẩu ô tô, xe máy từ EU vào Việt Nam.

Ngoài ra, EVFTA còn có các cam kết liên quan tới ô tô và phụ tùng ô tô trong một số Chương khác. Dưới đây là một số cam kết đáng chú ý liên quan tới ô tô và phụ tùng ô tô (trong cả Chương 2 và các Chương khác của EVFTA):

- Về đầu tư: Việt Nam vẫn giữ nhiều hạn chế về đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, lắp ráp ô tô xe máy (phải phù hợp với quy hoạch của Chính phủ, trong đó có thể có các ưu tiên riêng cho nhà đầu tư nội địa)
- Về quy tắc xuất xứ: Quy định riêng về quy tắc xuất xứ từng dòng thuế, trong đó đa số áp dụng quy tắc xuất xứ tối đa 47% nguyên liệu không xuất xứ cho phương tiện mã HS Chương 87; tối đa 50% nguyên liệu không xuất xứ hoặc chuyển đổi dòng thuế cho xe máy thuộc mã HS 8711, ô tô và phụ kiện ô tô mã HS 8708
- Về hàng rào phi thuế: Các cam kết về hàng rào phi thuế đối với ô tô nhập khẩu trong Phụ lục Chương 2 EVFTA dựa trên Thỏa thuận UNECE 1958, chỉ áp dụng với ô tô mà không áp dụng cho xe máy, và chỉ có hiệu lực sau 03 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực
- Về các chứng nhận sự phù hợp về kỹ thuật: Việt Nam chấp thuận các chứng nhận này của EU theo các nguyên tắc của Hiệp định UNECE 1958 (hệ thống tiêu chuẩn Liên Hợp Quốc), cam kết không đòi hỏi thêm các thủ tục kiểm nghiệm, chứng thực bổ sung) cho từng loại (ô tô, linh phụ kiện...) với các chi tiết cụ thể về nội dung và thời điểm có hiệu lực. Các nội dung chi tiết về vấn đề này được nêu trong Phụ lục 2b (Chương 2).

**Lưu ý với doanh nghiệp:**

- Doanh nghiệp có thể tra cứu biểu thuế quan đối với từng sản phẩm cụ thể tại toàn văn Hiệp định EVFTA trên trang thông tin của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI, cụ thể: <http://www.trungtamwto.vn/vn-eu-fta/toan-van-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-giua-viet-nam-va-lien-minh-chau-au-evfta>
- Hiện nay văn kiện Hiệp định EVFTA vẫn đang trong giai đoạn rà soát pháp lý, do đó chưa phải là văn bản cuối cùng (Hiệp định EVFTA cũng chưa được chính thức ký kết). Do đó, những trích dẫn trong tài liệu này đến văn kiện Hiệp định EVFTA chỉ gắn với bản văn kiện chưa chính thức được công bố ngày 1/2/2016, và có thể bị thay đổi khi văn kiện cuối cùng của Hiệp định được công bố.